

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Lưu Đức L; sinh năm: 1994

Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị N; sinh năm: 1997

Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Lưu Đức L và chị Lê Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 12/10/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 5 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh L và chị N.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Đức B, sinh ngày 06/11/2015 và Lưu Đức H, sinh ngày 22/9/2021. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả 02 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng mỗi cháu số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), 02 cháu là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng.

[3]. Về tài sản chung: Anh L và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh L và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức L và chị Lê Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Đức B, sinh ngày 06/11/2015 và Lưu Đức H, sinh ngày 22/9/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), 02 cháu là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số:AA/2021/0007881 ngày 18/11/2022, chị N đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn K;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc